

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/DS-ST

Ngày: 03 - 02 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng.

2. Ông Sơn Mút.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Thúy Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Tên viết tắt: V1).

Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 493/2025/UQN-PGD ngày 19/5/2025):

+ Ông Vương Lê Vĩnh N - Trưởng bộ phận xử lý nợ - Vắng mặt;

+ Ông Đặng Minh T - Chuyên viên – Xin vắng mặt;

Cùng địa chỉ: C đường H, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1974 - Vắng mặt;

Địa chỉ: Số D, Tổ B, Khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Tổ B, khóm Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần M (Tên viết tắt: JUPITER)

Địa chỉ: tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1 – Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền của Công ty M (Theo Văn bản ủy quyền số 35609/2025/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 03/9/2025):

+ Ông Vương Lê Vĩnh N – Trưởng bộ phận xử lý nợ M - Công ty Cổ phần M - Vắng mặt;

+ Ông Đặng Minh T – Chuyên viên xử lý nợ - Công ty Cổ phần M – Xin vắng mặt;

+ Ông Trần Tấn L1 – Chuyên viên xử lý nợ - Công ty Cổ phần M - Có mặt.

Cùng địa chỉ: số C- C H, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng V1 có cho bà Nguyễn Thị L vay vốn theo hợp đồng cho vay số: LN220405523584 ngày 14/4/2022 và Hợp đồng thế chấp số: LN220405523584 ngày 14/4/2022 số tiền cho vay là 401.000.000đ (bốn trăm lẻ một triệu đồng), thời hạn vay 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, MT.

Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,3% (lãi suất được tính theo năm với 365 ngày), lãi suất cho vay trong hạn cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Dư nợ tạm tính đến ngày 17/01/2025 là:

+ Nợ gốc: 275.660.000đ

+ Nợ lãi và chậm trả: 19.069.201đ

Tổng cộng: 294.729.201đ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: 01 xe nhãn hiệu ô tô HYUNDAI, Accent, 1.4L, MT; số khung RLUA541BANN074606, số máy G4LCMG040642, biển số kiểm soát 64A- 125.53 thuộc quyền sở hữu bà Nguyễn Thị L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 15/8/2024 nên V1 yêu cầu bà L trả tiền vốn vay và lãi tạm tính đến ngày 17/01/2025 là 275.660.000đ.

Ngày 28/3/2025, Ngân hàng V1 đồng ý bán toàn bộ khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB- JUPITER đối với Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng V1 với bà Nguyễn Thị L cụ thể:

+ Một phần 95% khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng số LN2204065523584 ngày 14/4/2022.

+ Tính đến ngày 22/8/2025 bà L đã thanh toán được tổng số tiền: 286.956.049đ (trong đó, gốc là 194.240.000đ, lãi là 92.716.049đ).

+ Tính đến ngày 22/8/2025 bà L còn nợ Công ty M và Ngân hàng V1 cụ thể:

Nợ Ngân hàng V1 tổng số là: 13.381.799đ (gốc là: 10.388.000đ, lãi 3.043.799đ).

Nợ Công ty M tổng số là: 254.254.183đ (gốc là: 196.422.000đ, lãi 57.832.183đ).

Ngân hàng V1 yêu cầu bà L thanh toán tổng số tiền là: 13.381.799đ (gốc là: 10.388.000đ, lãi 3.043.799đ) tính đến ngày 22/8/2025.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Ngân hàng V1 có bản tính lãi bổ sung đến ngày 03/02/2026 với tổng số tiền là: 14.440.311đ (*Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn ba trăm mười một đồng*).

+ Đại diện cho Công ty M có bản tính lãi bổ sung đến ngày 03/02/2026 với tổng số tiền là: 274.365.912đ (*hai trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm mười hai đồng*).

Ngoài ra, kể từ ngày 03/02/2026 trở đi bà L2 còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn, lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V1 và Công ty M.

Trường hợp bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số

LN2204065523584 ngày 14/04/2022, tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent, biển số: 64A-125.53, số máy: G4LCMG040642, số khung: RLUA541BANN074606, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại khóm Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH25 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét hợp đồng tín dụng được giao kết giữa Ngân hàng V1 và bà Nguyễn Thị L, theo đó bà L vay của V1 theo Hợp đồng vay số: LN 220405523584 ngày 14/4/2022 và Hợp đồng thế chấp số: LN220405523584 ngày 14/4/2022 số tiền cho vay là 401.000.000đ (*Bốn trăm lẻ một triệu đồng*), thời hạn vay 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, MT. Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,3% (lãi suất được tính theo năm là 365 ngày), lãi suất cho vay trong hạn cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Quá trình thực hiện hợp đồng, do bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên còn nợ vốn và lãi chưa thanh toán.

- Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị L trong đó nêu rõ toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L vẫn không gửi bản văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cũng như yêu cầu phản tố.

- Ngày 28/3/2025 Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M ký hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER, Ngân hàng V1 bán 95% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LN2204065523584 (LD2210500884) ngày 14/04/2022. Đồng thời, bên mua nợ có quyền đối với tài sản thế chấp. Xét thấy, việc mua bán nợ được thực hiện theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng N1 sửa đổi một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015. Theo đó: *“Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ”*. Do đó, bên mua nợ là Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán số tiền nợ gốc và lãi. Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, yêu cầu của Công ty Cổ phần M là có căn cứ chấp nhận.

- Xét yêu cầu của Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 03/02/2026 là: 288.806.223 đồng (Trong đó, nợ gốc: 206.760.000đ, nợ lãi: 82.046.223đ) là có căn cứ chấp nhận.

+ Buộc là Nguyễn Thị L thanh toán cho Ngân hàng V1 tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 03/02/2026 là: 14.440.311đ (trong đó, nợ gốc: 10.338.000đ, nợ lãi: 4.102.311đ)

+ Buộc là Nguyễn Thị L thanh toán cho Cty Cổ phần M1 tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 03/02/2026 là: 274.365.912đ (trong đó, nợ gốc: 196.422.000đ, nợ lãi: 77.943.912đ).

Tổng cộng vốn lãi: 288.806.223 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày 03/02/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu phát mại tài sản thế chấp:

- Xét thấy, để đảm bảo cho các khoản nợ vay, bà Nguyễn Thị L với Ngân hàng V1 có ký hợp đồng thế chấp số: LN2204065523584 ngày 14/4/2022. Tài sản thế chấp là: Xe ô tô hiệu HYUNDAI, loại Accent, Biển số: 64A-125.53, số máy: G4LCMG040642, số khung: RLUA541BANN074606, thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Thị L.

- Xét Hợp đồng thế chấp số LN2204065523584 ngày 14/4/2022. Khi ký kết hợp đồng thế chấp, Ngân hàng V1 với người thế chấp có lập hợp đồng bằng văn bản và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành Phố Hồ Chí Minh theo phiếu yêu cầu đăng ký số 1453318825 ngày 15/4/2022. Đồng thời, Ngân hàng V1 có tiến hành định giá tài sản vào ngày 14/4/2022 khi nhận thế chấp. Xét thấy, Xe ô tô hiệu HYUNDAI, Accent, Biển số: 64A-125.53, Số máy: G4LCMG040642, Số khung: RLUA541BANN074606, thuộc quyền sở hữu của bà

Nguyễn Thị L, được Phòng Cảnh sát giao thông Công An tỉnh V cấp ngày 14/4/2022 theo số 64 005625. Thời điểm thế chấp, người thế chấp không có tranh chấp, không bị kê biên phát mại nên có đầy đủ các quyền về tài sản, nên việc đem tài sản đi thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ vay của bà Nguyễn Thị L là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận nếu bị đơn không trả được nợ.

[4] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội Đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc bà Nguyễn Thị L thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền gốc vay và lãi còn nợ tính đến ngày 03/02/2026 theo hợp đồng vay số LN 220405523584 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/4/2022, tổng số tiền là: 14.440.311đ (*Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn, ba trăm mười một đồng*), trong đó: nợ gốc là 10.338.000đ, nợ lãi là 4.102.311đ.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần M.

Buộc bà Nguyễn Thị L thanh toán cho Công ty Cổ phần M số tiền vốn vay và lãi còn nợ tính đến ngày 03/02/2026 theo (hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 và hợp đồng vay số LN 220405523584 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/4/2022) tổng số tiền là: 274.365.912đ (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, chín trăm mười hai đồng*), trong đó: nợ gốc: 196.422.000đ, nợ lãi: 77.943.912đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (03/02/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng

thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị L không thanh toán được nợ thì Công ty Cổ phần M được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Xe ô tô hiệu HYUNDAI, ACCENT, Biển số: 64A-125.53, Số máy: G4LCMG040642, Số khung: RLUA541BANN074606, do bà Nguyễn Thị L, được Phòng Cảnh sát giao thông Công An tỉnh V cấp giấy chứng nhận đăng ký ngày 14/4/2022 theo số 64 005625.

3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị L nộp án phí: 14.440.000đ (*Mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 7.369.000đ (*Bảy triệu, ba trăm sáu mươi chín ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005590 ngày 11/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng THADS khu vực 3 - Vĩnh Long).

- Công ty Cổ phần M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần M số tiền 6.690.000đ (*Sáu triệu, sáu trăm chín mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008971 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV3 – Vĩnh Long;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Thiết